

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

1.1.1. Tên dự án

Đầu tư khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường và khoáng sản đi kèm tại điểm mỏ 36,5ha, xã Lộc Thành, thành phố Đồng Nai.

1.1.2. Địa điểm thực hiện dự án

Vị trí dự án thuộc xã Lộc Thành, thành phố Đồng Nai. Mỏ cách UBND xã Lộc Thành khoảng 1 km về phía Nam – Tây Nam; cách trung tâm hành chính và UBND Thành phố Đồng Nai khoảng 100km về phía Bắc – Tây Bắc..

1.1.3. Chủ dự án đầu tư

Tên chủ dự án: Công ty TNHH Lê Chính.

+ Trụ sở tại Tổ 6, Khu phố Hải Dinh, Phường Long Hương, TP Hồ Chí Minh.

+ Người đại diện pháp luật: Trần Thanh Trúc Sơn Chức vụ: Giám đốc

+ Điện thoại: 0254 382 0042 + Mã số thuế: 3501495711.

1.2. Phạm vi, quy mô và công suất dự án

1.2.1. Phạm vi dự án

Tổng diện tích đất thiết kế của dự án là 45,5 ha, bao gồm:

- Hạng mục công trình chính: Khai trường khai thác đá xây dựng với diện tích 36,5 ha.

Bảng 2. Bảng tọa độ khu vực khai thác

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106 ⁰ 15' múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
1	1 303 625	529 405
2	1 303 722	529 297
3	1 303 822	529 304
4	1 303 854	529 432
5	1 303 973	529 544
6	1 303 991	529 737

Điểm góc	Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 106 ⁰ 15' múi chiều 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
7	1 303 987	529 929
8	1 303 763	530 024
9	1 303 574	529 979
10	1 303 438	529 668
11	1 303 157	529 510
12	1 303 218	529 342
Diện tích: 36,5 ha		

- Hạng mục công trình phụ trợ: Nằm ngoài ranh khai trường, có tổng diện tích 9 ha.

Ngoài ra, phạm vi tác động của dự án còn bao gồm đường vận chuyển sản phẩm từ mỏ dài khoảng 630m ra đến đường giao thông của xã để đi ra tuyến đường ĐT.754.

1.2.2. Quy mô dự án

Tổng diện tích của Dự án là 45,5 ha.

Phân loại theo quy mô đầu tư: Dự án thuộc nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công căn cứ điểm e khoản 2 Điều 9 Luật Đầu tư công; Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ.

Phân loại theo tính chất, cấp công trình: Công trình cấp II, loại hình công trình mở khai thác nguyên liệu cho ngành vật liệu xây dựng.

Loại hình dự án: Dự án đầu tư mới.

Phân loại theo tiêu chí môi trường: Dự án thuộc đối tượng phải thực hiện lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trình cơ quan chuyên môn phê duyệt.

1.2.3. Công suất khai thác

- Công suất khai thác đá xây dựng: Đá xây dựng: 800.000 m³ (nguyên khối) tương đương 1.180.000 m³/năm (đá nguyên khai).

- Công suất khai thác khoáng sản đi kèm (đất tầng phủ): Lớp phủ 150.000 m³ (nguyên khối), tương đương 180.000 m³/năm (nguyên khai).

- Tuổi thọ mỏ là 23 năm. Trong đó: Thời gian xây dựng cơ bản là 02 tháng.

1.3. Trình tự, công nghệ sản xuất

1.3.1. Trình tự khai thác

- Xét điều kiện địa chất mỏ, kỹ thuật công nghệ, khả năng thiết bị thi công cũng như công suất khai thác theo báo cáo và đặc điểm địa hình hiện trạng, hệ thống khai thác được chọn áp dụng cho mỏ đá xây dựng xã Lộc Thành là hệ thống khai thác khấu theo lớp bằng, một hoặc hai bờ công tác, vận chuyển trực tiếp trên tầng, sử dụng bãi thải tạm bên ngoài.

- Các thông số của hệ thống khai thác được lựa chọn đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của thiết bị khai thác và yếu tố an toàn bảo vệ bờ mỏ theo QCVN 04:2009/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên và QCVN:05/2012/BLĐTBXH Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động trong khai thác và chế biến đá.

Các thông số của hệ thống khai thác được tổng hợp như sau:

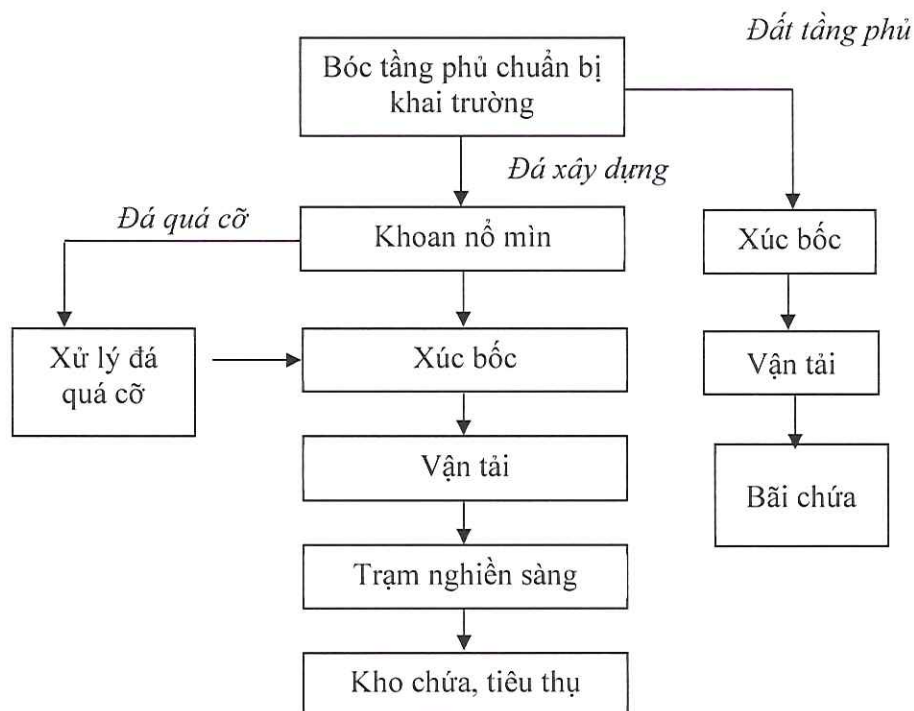
Bảng 5. Tổng hợp các thông số của hệ thống khai thác

STT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng khai thác	H_t	m	
	Trong đất phủ			5
	Trong đá gốc			10
2	Chiều cao tầng kết thúc	H_t	m	
	Trong đất phủ			5
	Trong đá gốc			10
3	Góc nghiêng sườn tầng công tác	$\alpha\tau$	độ	
	Trong đất phủ			45
	Trong đá gốc			75
4	Góc nghiêng sườn tầng kết thúc	$\alpha\kappa\tau$	độ	
	Trong đất phủ			45
	Trong đá gốc			75
5	Chiều rộng đai khâu	A	m	10,7
6	Chiều rộng tầng công tác tối thiểu	$B_{\min}$	m	34
7	Chiều rộng đai bảo vệ	B_v	m	
	Trong đất, đá phủ			2
	Trong đá gốc			3,5
8	Chiều dài tuyến công tác	L	m	117
9	Góc nghiêng bờ kết thúc của mỏ	$\square$	độ	$59^{\circ}52' \div 60^{\circ}48'$

Nguồn: Báo cáo Nghiên cứu khả thi của dự án, năm 2026

1.3.2. Công nghệ khai thác

Các công đoạn của quy trình công nghệ khai thác đá xây dựng: Chuẩn bị khai trường (phát quang thảm thực vật, xúc bốc tầng đất phủ đến bãi tập kết) → khoan lỗ (sử dụng máy khoan lớn $\Phi 105$ để khoan lỗ mìn) → nổ mìn (nạp thuốc nổ loại Anfo nhũ tương theo từng hộ chiếu, nổ mìn bằng phương pháp vi sai điện), những vị trí đá nứt nẻ nhiều, độ cứng thấp sử dụng đầu đập thủy lực phá đá trực tiếp và để phá đá quá cỡ nhằm đảm bảo kích thước phù hợp của hàm đập → Xúc đá nguyên khai lên xe (bằng máy xúc) → Vận chuyển đá nguyên khai về khu vực chế biến (bằng ô tô tự đổ) → nghiền sàng đá liên hợp (tổ hợp nghiền sàng) → Sản phẩm (đá 4x6, 1x2, 0x4, đá mi) → Bãi lưu chứa → tiêu thụ sản phẩm.

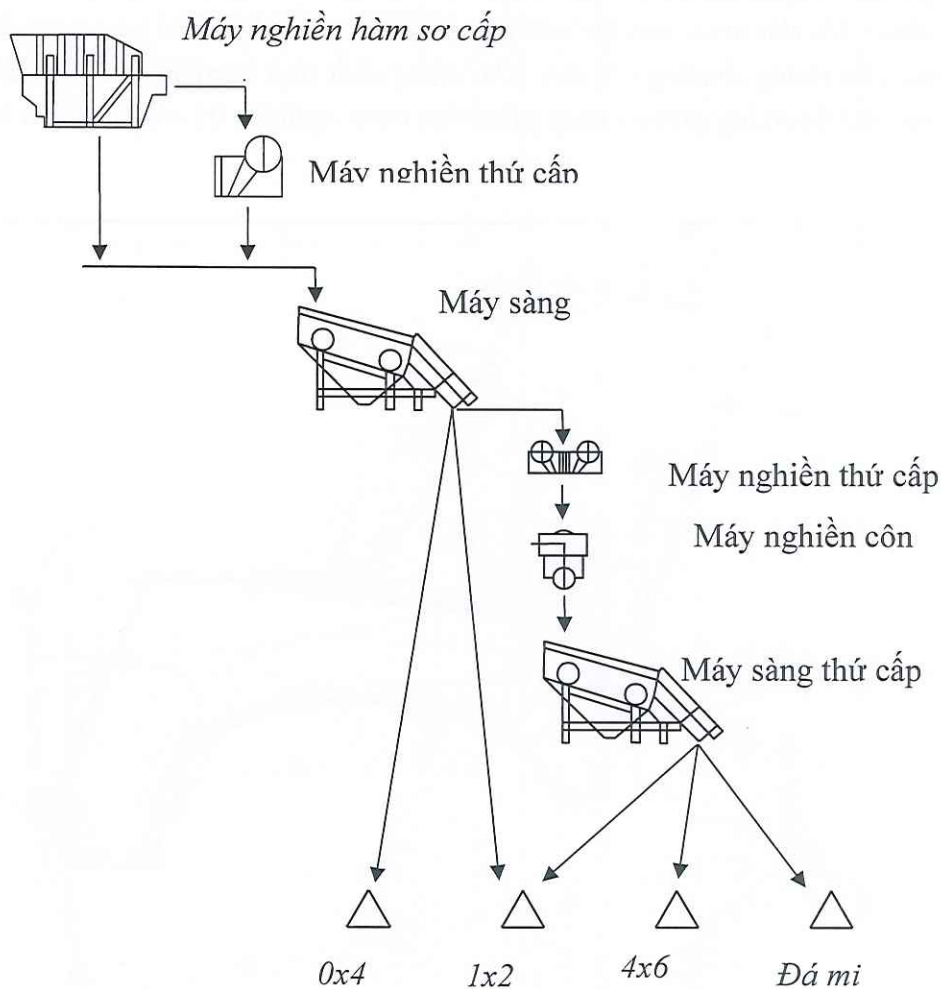


Hình 3. Sơ đồ tổng quát dây chuyền công nghệ khai thác

1.3.3. Công nghệ chế biến đá

Từ đá nguyên khai nghiền sàng ra các loại sản phẩm đá 4x6; đá 2x4; đá 1x2; 0,5x1,... và sản phẩm phụ đá mi, đảm bảo chất lượng làm đá xây dựng.

Đá nguyên khai sau khi được tách ra khỏi nguyên khối, được phá vỡ lại đến kích thước phù hợp với miệng hàm đập của máy đập nghiền, và dùng máy đào xúc lên phương tiện vận tải để chuyển về bãi chế biến. Đá nguyên khai có kích thước độ hạt không đồng đều, từ 1-2mm đến 1m. Để kích thước đá thỏa mãn yêu cầu sử dụng cần phải qua khâu chế biến nghiền sàng. Nghiền sàng là khâu công nghệ cuối cùng của mỏ.



Hình 4. Sơ đồ nguyên lý của tổ hợp đập – nghiền – sàng

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình của dự án

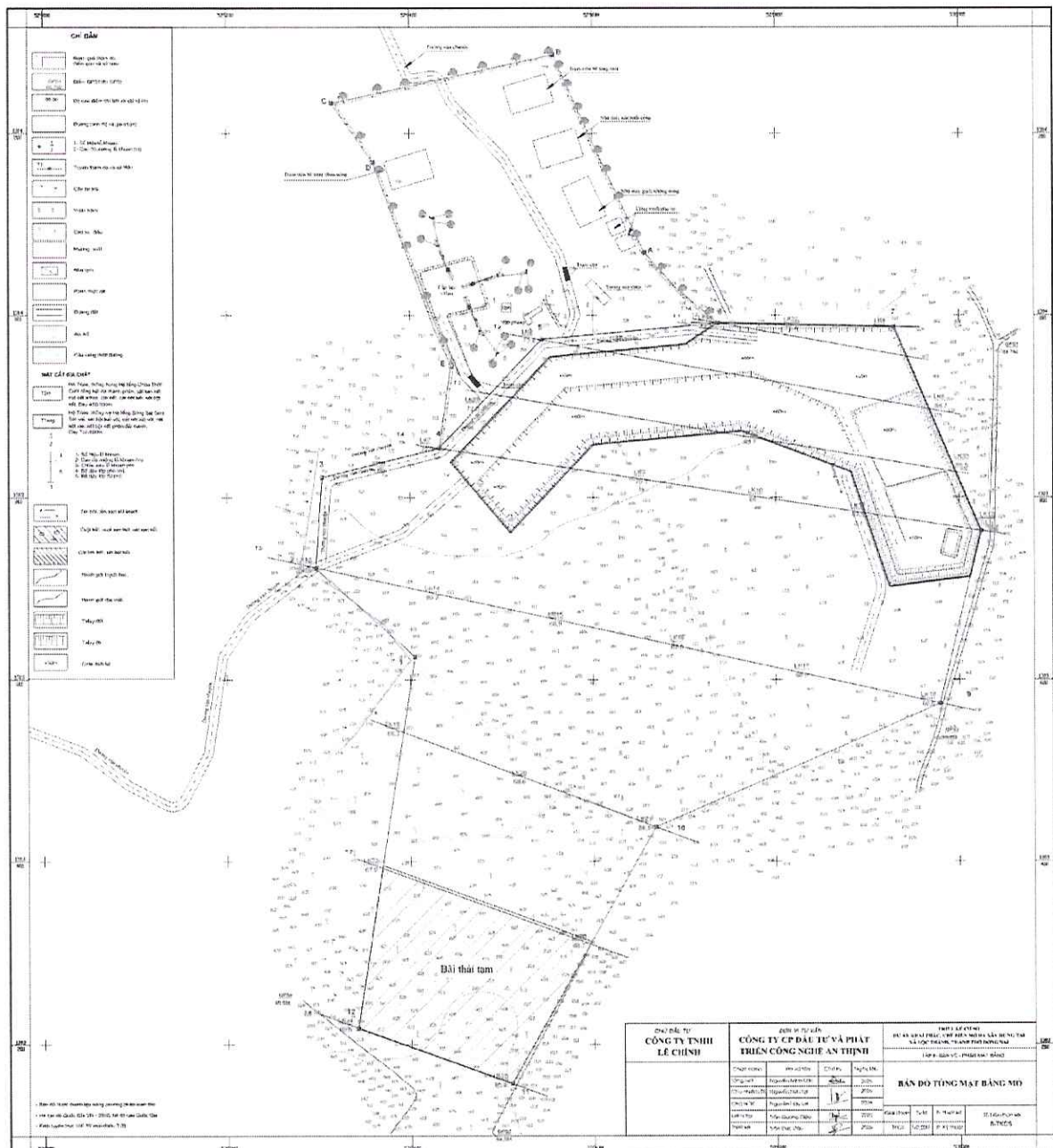
Tổng diện tích đất sử dụng cho dự án là 455.000 m², tương đương 45,5 ha gồm:

- Khai trường: 36,5 ha (nằm trong diện tích đã được thăm dò và phê duyệt trữ lượng, trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản).

- Khu vực SCN là 9ha (đã được đền bù và giải phóng mặt bằng, quy hoạch đất cho hoạt động khoáng sản), bao gồm các hạng mục:

- + Khu chế biến: gồm 03 trạm nghiền sàng và bãi chứa sản phẩm.
- + Khu vực công trình mở gồm nhà văn phòng, nhà ăn công nhân, nhà nghỉ công nhân, nhà vệ sinh, kho nhiên liệu, kho vật tư, kho chứa tạm CTR thông thường, kho CTNH, hồ chứa nước tháo khô tái sử dụng, trạm rửa bánh xe.
- + Đường nội bộ và công trình thoát nước mở (đê bao, mương thoát nước).

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường: Hồ thu nước tại đáy moong; hồ lắng nước tháo khô và tái sử dụng; Kho chứa chất thải rắn thông thường: 16 m²; Kho chứa chất thải nguy hại: 24 m²; Bể tự hoại 03 ngăn 60 m³; 03 hệ thống phun sương giảm bụi trạm nghiền; 01 trạm xịt rửa bánh xe tự động.



Sơ đồ mặt bằng của dự án

1.4.2. Các hoạt động của dự án và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Mỗi giai đoạn của dự án sẽ có các hoạt động tương ứng, cụ thể như sau:

a. Các hoạt động của dự án giai đoạn xây dựng, vận hành

Các hạng mục xây dựng cơ bản, mở vỉa bao gồm:

- Xây dựng tuyến đường mở vỉa và mở vỉa;
- Xây dựng hồ lắng khai trường; đắp đê bao và đào mương thoát nước xung quanh khu vực khai thác;

- San gạt và đắp mặt bằng SCN, Lắp đặt nhà văn phòng và hệ thống trạm nghiên;
- Lắp đặt hệ thống xịt rửa bánh xe, hệ thống camera giám sát, trạm cân.

Các hoạt động trong giai đoạn vận hành khai thác bao gồm:

- Hoạt động bóc phủ, khoan lỗ mìn và nổ mìn phá đá;
- Hoạt động xúc bốc;
- Hoạt động vận tải; và chế biến đá xây dựng;
- Hoạt động thoát nước công trình.

b. Các hoạt động của dự án giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

Thực hiện các công tác cải tạo, phục hồi môi trường khu vực hoạt động khoáng sản bao gồm:

- Khai trường khai thác: tiến hành củng cố bờ mỏ, duy tu đê bao, hàng rào và biển báo và trồng cây xung quanh moong; tạo hệ thống thoát nước cho hố mỏ.
- Tuyến đường vận tải: tiến hành duy tu;
- Các công trình phụ trợ được tháo dỡ, san gạt và hoàn trả mặt bằng;
- Bàn giao toàn bộ đất cho địa phương quản lý.

1.4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Bố trí thời gian hoạt động phù hợp theo quy định, thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng, máy móc thiết bị tại dự án.

1.4.4. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Theo đặc thù của ngành khai thác khoáng sản lộ thiên, các hạng mục công trình và hoạt động đi kèm có khả năng phát sinh các tác động đến môi trường chi tiết theo từng giai đoạn như sau:

Bảng 8. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

STT	Các hoạt động của dự án	Các yếu tố gây ô nhiễm môi trường
I	Giai đoạn thi công, xây dựng	
1	- Vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu, thiết bị, vật tư... - Đắp mặt bằng SCN và Lắp ráp trạm đập - nghiền - sàng công suất 350 T/h	- Bụi, tiếng ồn, khí thải động cơ - Chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH - Gia tăng mật độ phương tiện giao thông - Phát sinh các loại sinh khối thực vật cần thải bỏ, xử lý
2	Sinh hoạt của nhân viên	Nước thải và chất thải rắn sinh hoạt
3	Giải phóng mặt bằng, thỏa thuận đền bù đất đai	- Xung đột với người dân địa phương có đất - Giảm diện tích đất trồng cây lâu năm
II	Giai đoạn vận hành	
1	Bóc đất tầng phủ; đổ thải và san gạt tại bãi thải	- Bụi, tiếng ồn, khí thải động cơ - Nước mưa chảy tràn cuốn theo đất đá lơ lửng
2	Khoan, nổ mìn	Bụi, tiếng ồn, chấn động rung (chấn động nền, sóng đập không khí và đá văng khi nổ mìn), khí thải động cơ
3	Phá đá quá cỡ bằng búa đập thủy lực	Bụi, tiếng ồn
4	Chế biến	Bụi, tiếng ồn, rung
5	Tháo khô mỏ	Nước tháo khô mỏ, hạ thấp mực nước ngầm
6	Xúc bốc - vận chuyển khoáng sản và sản phẩm	Bụi, khí thải động cơ, đất đá rơi vãi từ quá trình vận chuyển
7	Sinh hoạt của nhân viên	Nước thải và chất thải rắn sinh hoạt
8	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, tinh chỉnh thiết bị	Chất thải công nghiệp thông thường, CTNH

STT	Các hoạt động của dự án	Các yếu tố gây ô nhiễm môi trường
III	Giai đoạn kết thúc khai thác	
1	Kết thúc khai thác	Thay đổi cảnh quan, địa hình, rủi ro mất an toàn bờ moong
2	Cải tạo, phục hồi môi trường	Phát sinh các loại chất thải, vật liệu san lấp và xà bần Nguy cơ mất an toàn lao động trong quá trình thi công

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường của dự án

Căn cứ khoản 4, điều 25, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6, điều 1 của Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026, khu vực dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

Vị trí dự án thuộc xã Lộc Thành, thành phố Đồng Nai. Mỏ cách UBND xã Lộc Thành khoảng 1 km về phía Nam – Tây Nam; cách trung tâm hành chính và UBND Thành phố Đồng Nai khoảng 100km về phía Bắc – Tây Bắc.

Tọa độ ranh giới: Tổng diện tích khu vực dự án là 45,5ha. Trong đó diện tích khu vực khai trường 36,5 ha.

- Khoảng cách từ dự án đến khu dân cư và các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Căn cứ khoản 4, điều 25, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6, điều 1 của Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ. Khu vực dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường, khoảng cách từ dự án tới khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường như sau:

Bảng 11. Khoảng cách từ dự án tới khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

STT	Yếu tố nhạy cảm về môi trường	Đánh giá tại dự án	Khoảng cách từ dự án tới khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường
1	Địa điểm thực hiện thuộc phường của đô thị loại đặc biệt, I, II, III, IV	Không có	Dự án nằm tại khu vực nông thôn, cách xa nội thành, nội thị. Cách UBND Thành phố Đồng Nai khoảng 100km.
2	Xả thải vào nguồn nước mặt dùng cho cấp nước sinh hoạt	Không có	Suối K'Liêu không được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
3	Sử dụng đất thuộc khu bảo tồn, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, vùng đất ngập nước quan trọng,...	Không có	Dự án khai thác trên nền khu vực được quy hoạch khoáng sản, không nằm trong khu vực bảo tồn, rừng phòng hộ.
4	Thuộc khu di sản thế giới, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quốc gia	Không có	Di tích lịch sử Khu căn cứ Tà Thiết về phía Tây Nam khoảng 7km. Dự án không thuộc khu di sản thế giới, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quốc gia.
5	Yêu cầu chuyển đổi đất lúa từ 2 vụ trở lên, rừng đặc dụng/phòng hộ.	Không có	Dự án không yêu cầu chuyển đổi đất lúa từ 2 vụ trở lên, không chuyển đổi rừng đặc dụng hoặc phòng hộ.
6	Có yêu cầu di dân, tái định cư	Không có	Không ảnh hưởng đến khu dân cư, không yêu cầu di dời

Thủ tục đất đai đối với phần diện tích mở rộng đang được Công ty hoàn thiện theo đúng quy định. Do đó, đảm bảo không làm phát sinh xung đột đất đai hoặc ảnh hưởng đến hoạt động dân sinh.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư

2.2.1. Các tác động có liên quan đến chất thải trong các giai đoạn của dự án

2.2.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a. Nước thải và khí thải

- Các công trình thi công trong mùa khô, thời gian ngắn khoảng 02 tháng nên không phát sinh nước mưa chảy tràn.

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân thi công lắp đặt trạm nghiên khoảng 1,4 m³/ngày với thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng, BOD, COD, tổng dầu mỡ khoáng, tổng nitơ, coliform.

- Bụi và khí thải phát sinh chủ yếu từ quá trình san gạt và đào đắp mặt bằng, trong.

b. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt: Chủ yếu phát sinh từ hoạt động ăn uống, sinh hoạt của công nhân tại mỏ. Giai đoạn xây dựng cơ bản dự báo có thêm công nhân từ các nhà thầu cung cấp thiết bị, vật tư đến mỏ nên dự báo phát sinh một lượng rác thải sinh hoạt.

- Nguồn phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường: chủ yếu rác thải xây dựng phát sinh trong quá trình xây dựng công trình và khi hoàn thành XDCHB gồm: gạch vỡ, gỗ dăm, ống nhựa, sắt thép vụn, bao bì....

- Nguồn phát sinh chất thải nguy hại: Phát sinh do các hoạt động xây dựng được dự báo phát sinh ít, thành phần chủ yếu là dầu động cơ, thùng chứa nhớt thải, giẻ lau....

c. Tiếng ồn và độ rung

- Phát sinh từ việc lắp đặt bổ sung công trình sẽ phát ra tiếng ồn xung quanh tại vị trí thi công đắp mặt bằng sân công nghiệp, đường vận chuyển mỏ.

- Hoạt động vận tải, tập kết thiết bị và vận tư phát sinh tiếng ồn, rung dọc theo đường giao thông công cộng và đường vào mỏ.

d. Các tác động khác

Ảnh hưởng cục bộ đến an toàn giao thông trên tuyến đường ĐT 754 khi các xe tải lớn chuyên chở các thiết bị mỏ hạng nặng ra vào khu vực tập kết vào mỏ theo đường ấp Cần Dục phía tây.

2.2.1.2. Giai đoạn vận hành

a. Nước thải và khí thải

- Nước thải sinh hoạt của nhân viên và người lao động khoảng 5,6 m³/ngày với thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng, BOD, COD, tổng dầu mỡ khoáng, tổng nitơ, coliform.

- Nước mưa chảy tràn bề mặt có thành phần ô nhiễm chủ yếu là dầu mỡ, chất rắn lơ lửng, bùn đất.

- Nước tháo khô mỏ chủ yếu bao gồm nước mưa rơi trên diện tích moong 36,5 ha với lưu lượng lớn nhất vào mùa mưa đạt 39.858 m³/ngày đêm theo lượng mưa ngày lớn nhất. Thành phần chủ yếu là bùn đất, chất rắn lơ lửng (TSS).

- Trong giai đoạn vận hành khai thác và chế biến bụi phát sinh chủ yếu từ quá trình xúc bốc, tập kết và vận chuyển sản phẩm.

- Khí thải phát sinh từ phương tiện khai thác, quá trình khoan, nổ mìn, chế biến, vận chuyển với thành phần chủ yếu là bụi, SO₂, NO₂, CO...

b. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại Dự án có 120 người với khối lượng phát sinh tương ứng định mức: 48 kg/ngày.

- Đất đá bóc tầng phủ với khối lượng khoảng 240.000 m³ nguyên khối/năm. Một phần được tận dụng đắp đê bao, tu sửa đường, phần còn lại đưa ra bãi thải chờ bán làm VLSS.

- Nguồn phát sinh, chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Phát sinh từ hoạt động sửa chữa, thay thế linh kiện thiết bị với khối lượng nhỏ. Thành phần chủ yếu gồm sắt thép phế liệu không nhiễm thành phần nguy hại.

+ Bùn nạo vét từ các bể lắng, mương thoát nước...

- Nguồn phát sinh, chất thải nguy hại:

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo trì, thay thế và sửa chữa nhỏ đối với hệ thống máy xúc, xe tải, máy khoan.

+ Thành phần chủ yếu bao gồm: Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác, vật liệu lọc, giẻ lau, các loại pin, ắc quy khác.

c. Tiếng ồn và độ rung

c1. Tiếng ồn

- Tiếng ồn phát sinh tại khu vực moong khai thác của mỏ đá từ hoạt động khoan nổ mìn, nổ mìn, phá đá quá cỡ, xúc bốc, vận chuyển.

- Từ hoạt động của thiết bị máy móc, phương tiện cơ giới và vận chuyển đá nguyên khai từ khai trường đến khu vực chế biến và từ mỏ theo đường ấp Cần Dực ra đường ĐT 754 (đường Đồng Tâm – Tà Thiết).

- Mức ồn phát sinh lớn nhất tại moong khai thác từ máy khoan BMK-5, búa thủy lực và nổ mìn.

- Mức ồn phát sinh lớn nhất tại khu vực chế biến từ 02 trạm nghiền.

- Mức ồn phát sinh lớn nhất trên đường vận chuyển từ các xe tải 15 tấn.

- Tiếng ồn, độ rung, chấn động phát sinh do hoạt động nổ mìn có tính chất tức thời và trong khoảng thời gian rất ngắn khoảng 0,25 giây.

- Thời gian tác động: tác động tức thời, chủ yếu từ 11 đến 13 giờ (giờ nổ mìn). Khoảng cách an toàn đối với người là $\geq 300\text{m}$ và đối với công trình, thiết bị là $\geq 200\text{m}$.

c2. Tác động do rung động, đá văng, sóng đập không khí

Các nguồn gây ra rung động bao gồm:

- Hoạt động nổ mìn sẽ gây ra tác động về chấn động, đá văng, sóng đập không khí gây ảnh hưởng các đối tượng xung quanh khu vực dự án. Tác động này có tính chất tức thời, không thể tránh khỏi. Do dự thiết kế nổ từng bãi theo đợt, đảm bảo không nổ mìn đồng thời với mỏ lân cận là mỏ đá ấp Cần Dực hiện đang hoạt động phía Nam.

- Hệ thống nghiền sàng phát sinh rung động tại SCN và lan truyền ra xung quanh.

d. Các tác động khác

- Tác động tới cảnh quan địa hình: Đặc điểm của khai thác mỏ lộ thiên nói chung và khai thác khoáng sản rắn nói riêng là phải chiếm dụng diện tích đất khá lớn. Tổng diện tích chiếm đất của dự án 45,5 ha. Tác động này không thể tránh khỏi trong khai thác, không thay đổi và đây cũng là tác động lâu dài, không hồi phục được nguyên dạng.

- Tác động đến sức khỏe dân cư và công nhân viên làm việc tại mỏ: Hoạt động của mỏ phát sinh bụi, tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân viên làm việc trong mỏ và dân cư xung quanh khu vực.

- Tác động tới giao thông vận tải khu vực: Quá trình khai thác và vận chuyển sản phẩm của mỏ đi tiêu thụ sẽ có đất đá rơi xuống hệ thống giao thông, cụ thể là tuyến đường ĐT 754 làm ảnh hưởng đến hoạt động đi lại của các phương tiện lưu thông khác.

- Tác động đến môi trường xã hội: Khi dự án đi vào hoạt động sẽ tạo việc làm, thu nhập cho một số lao động địa phương, góp phần tăng tỷ trọng ngành công nghiệp. Việc tập trung số đông lao động sẽ gây tác động về mặt vệ sinh môi trường và an ninh khu vực, lượng lao động này khi không quản lý chặt chẽ rất dễ phát sinh những tệ nạn xã hội ... hoặc gây mâu thuẫn xung đột với nhân dân địa phương, làm mất an ninh trật tự cho khu vực.

2.3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

2.3.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

2.3.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Công trình thu gom và xử lý NTSH

- Giai đoạn xây dựng và vận hành khai thác: Trong 02 tháng XD/CB, công ty sử dụng nhà vệ sinh lưu động để phục vụ thi công trong thời gian ngắn, sau đó thuê hút để xử lý theo quy định.

- Khi đi vào vận hành, Công ty xây dựng và sử dụng nhà vệ sinh có bể tự hoại (thể tích 12 m³, trong đó ngăn thứ nhất: 8 m³, ngăn thứ hai: 4 m³) → Hồ sinh học (kích thước 4x10x1,5m, thể tích 60 m³, thời gian lưu 5 ngày) → Môi trường. Bùn cặn định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút và mang đi xử lý theo quy định.

b. Công trình thu gom, thoát nước mưa chảy tràn trên sân công nghiệp

- Nước mưa chảy tràn khu vực sân công nghiệp (khu chế biến và phụ trợ) → Hệ thống mương thu gom (kích thước rộng 1,4 m; sâu 0,6 m; dài khoảng 1000m bao quanh mặt bằng) → mương thoát nước hiện hữu → suối K'Liêu.

- Xây dựng đê bao xung quanh để ngăn nước chảy tràn từ ngoài vào: đoạn đê theo 3 mặt phía Tây, phía Bắc và phía Đông dài tổng cộng khoảng 1.000m (chân đê rộng 14m, mặt đê rộng 4m, cao 5m).

c. Công trình thu gom và thoát nước tháo khô mở

- Nước mưa rơi trực tiếp trên diện tích khu vực khai thác 36,5ha → Hồ thu nước đáy moong 50.000 m³ → Trạm bơm → Hồ lắng → Mương nước → suối K'Liêu.

- Hồ thu nước dưới đáy moong: Diện tích 1.320 m², sâu 2,5m, dung tích 3.300 m³ (Kích thước: 20x50x5m).

- Hồ lắng có kích thước: 30x10x4 (m), thể tích 1.200 m³. Xung quanh hồ lắng có rào chắn lưới B40 cao 1m và đê bao cao 0,5m.

- Máy bơm nước: Sử dụng 02 máy bơm (trong tổng số 04 máy hiện có) công suất 250 m³/h/máy bơm tháo khô. Lưu lượng tháo khô lớn nhất vào mùa mưa đạt 33.175 m³/ngày đêm.

- Nguồn tiếp nhận: Suối K'Liêu (cách ranh mỏ gần nhất khoảng 140m về phía Tây).

2.3.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Khu vực chế biến: Lắp đặt và vận hành hệ thống phun nước tại 03 cụm trạm nghiền sàng. Mỗi hệ thống sử dụng bồn nước 10m³, máy bơm nước công suất 3kW dẫn nước qua đường ống nhựa PVC Ø34 dài 30m lên hàm nghiền thô và côn nghiền để làm ẩm đá. Định mức sử dụng nước cho 03 trạm nghiền là 24 m³/ngày.

+ Trồng cây với mật độ dày xung quanh khu vực SCN: trồng 3-4 hàng cây keo dọc theo đê bao đã đắp.

- Tại khu vực khai thác:

+ Sử dụng phương pháp khoan ướt, phun nước dập bụi tại mỗi bãi khoan.

+ Trồng 02 hàng cây keo xung quanh moong khai thác và đường vận chuyển để che chắn, giảm phát tán bụi. Quy cách trồng: cây cách cây 1,5m, hàng cách hàng 3m.

+ Công tác vận chuyển ngoài mỏ: Sử dụng 01 xe bồn chuyên dụng (dung tích 5-7 m³) tưới nước dập bụi với định mức 35 m³/ngày (tối đa 5 chuyến/ngày). Tuyến đường tưới: 630m đường ngoài mỏ nối ra đường liên xã Cần Dực. Vận hành thường xuyên máng nước rửa bánh xe trước khi ra khỏi mỏ.

2.3.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

2.3.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bố trí các thùng chứa rác loại 40 lít có nắp đậy tại khuôn viên mỏ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định.

- Đối với đất đá bóc tầng phủ: cung cấp cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng làm vật liệu san lấp hạ tầng trên địa bàn khu vực. Phần chưa tiêu thụ kịp (dự phòng) được vận chuyển về chứa tạm tại bãi chứa VLSS trong ranh mỏ bố trí phía Nam khu vực khai thác. Bãi chứa được đắp đê cao 2m và đào mương thu nước xung quanh (rộng 2m, đáy 1m, sâu 1m).

- Chất thải rắn thông thường (sắt thép phế liệu): Lưu giữ tại xưởng cơ khí 300 m² và hợp đồng bán phế liệu cho các đơn vị tái chế.

2.3.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại

- Sử dụng kho lưu chứa CTNH kiên cố diện tích 24 m² (kích thước 6x4m; cao phía trước 3,5m, mái tôn chống nóng cách nhiệt).

- Thiết kế kho lưu chứa: Nền kho bằng xi măng; xung quanh nền có rãnh gom dầu (rộng 20mm, sâu 5mm) dẫn về hố gom dầu sự cố 8m³ (dài 2m, rộng 2m, sâu 2m); trước cửa ra vào có gờ ngăn cao 20mm.

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 07 thùng nhựa loại 240 lít có nắp đậy (mỗi loại chất thải chứa 1 thùng riêng biệt), được dán nhãn phân loại mã số CTNH. Trang bị đầy đủ dụng cụ PCCC (bình chữa cháy, khay đựng cát, xẻng).

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt).

b. Giai đoạn vận hành

Giảm thiểu tiếng ồn do nổ mìn:

- Áp dụng phương pháp nổ mìn vi sai. Phối hợp với đơn vị mỏ lân cận phân phối thời gian nổ mìn tránh nổ mìn đồng thời.

- Thiết kế và phương pháp nổ mìn phải thực hiện đúng như nội dung đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Trong quá trình khoan nổ mìn: Trang bị dụng cụ chống ồn cho công nhân như: nút tai, bông chống âm thanh, chụp tai, mũ phòng hộ và áo bảo hộ.

- Trong quá trình nổ mìn: Phải tuân thủ nghiêm chỉnh hiệu lệnh khi nổ mìn. Mọi công tác có liên quan đến nổ mìn phải chấp hành đúng các điều quy định trong Quy chuẩn 01:2019/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp.

Giảm thiểu tiếng ồn tại khu vực chế biến

- Thường xuyên bôi trơn các bộ phận chuyển động, định kỳ kiểm tra, hiệu chỉnh cân bằng các thiết bị máy móc, theo dõi độ mài mòn của máy móc để tra dầu mỡ bôi trơn các bộ phận cơ khí và tiến hành thay thế kịp thời.

- Quy định thời gian ra vào khu chế biến cho các xe, tránh vào ban đêm gây ồn ào ảnh hưởng đến nhân viên nghỉ ngơi và môi trường xung quanh.

- Trang bị thiết bị chống ồn nút tai cho các công nhân thường xuyên làm việc tại những nơi có độ ồn cao, giảm giờ làm và thay đổi ca để tránh tiếp xúc quá lâu với nguồn tiếng ồn lớn.

Giảm thiểu tiếng ồn khu vực tuyến đường vận chuyển

- Các phương tiện vận chuyển chạy đúng tốc độ, phải được kiểm tra thường xuyên và đảm bảo chế độ kiểm định, bảo dưỡng xe, máy định kỳ.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng tuyến đường trong mô và tuyến đường vận chuyển từ dự án ra đường liên xã gần khu vực dự án.

Giảm thiểu tác động của độ rung

- Tại khu vực khai trường: Áp dụng biện pháp nổ mìn vi sai để giảm thiểu sóng chấn động và sóng rung tới môi trường xung quanh.

- Tại khu vực chế biến: Gia cố vững chắc các bộ máy, đế máy để giảm thiểu độ rung của thiết bị khi vận hành. Các điểm tiếp xúc mạnh cần có bố trí các bản đệm.

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- - Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

- Tuân thủ QCVN 01:2019/BCT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ; QCVN 04: 2009/BCT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường và phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.4.1. Chương trình quản lý môi trường

- Giám đốc điều hành mỏ và nhân viên chuyên trách các vấn đề về môi trường của Công ty phụ trách chung các vấn đề về môi trường của mỏ, giám sát việc thực hiện các công tác bảo vệ môi trường tại mỏ đối với từng bộ phận như sau:

- Quản lý chất lượng, lưu lượng nước tháo khô, nước thải.
- Quản lý hoạt động của hệ thống giảm thiểu ô nhiễm bụi.
- Quản lý các loại chất thải: CTNH, CTR sinh hoạt.
- Quản lý hoạt động của các phương tiện khai thác, vận chuyển, máy móc thiết bị vận hành cho sản xuất nhằm giám sát các tác động đến môi trường không khí.
- Phòng, chống các sự cố môi trường.

2.4.2. Giám sát môi trường

2.4.1. Giám sát nguồn chất thải

Giám sát nguồn nước tháo khô mỏ :

- Thông số : lưu lượng, độ màu.
- Tần suất : thường xuyên.
- Quy chuẩn so sánh :

2.4.2. Giám sát chất thải rắn thông thường

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục.
- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn phát sinh, chất thải nguy hại.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.4.3. Các chương trình giám sát khác

a. Giám sát môi trường không khí

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;
- Vị trí giám sát: 04 điểm, gồm:
 - + 01 điểm tại khu vực khai thác.
 - + 01 điểm tại khu vực trạm nghiền.
 - + 01 điểm tại khu vực đường vận chuyển ngoài mỏ.
- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), NO₂, SO₂, CO, các yếu tố vi khí hậu, tiếng ồn, độ rung.

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn môi trường Việt Nam, gồm:
- + QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b. Giám sát chất lượng nước mặt

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại suối K'Liêu phía Đông dự án.

- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Tổng N, Tổng P, sắt tổng, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: Mức B, Bảng 2 - QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

c. Giám sát hiện tượng sạt, trượt lở bờ mỏ

- Thường xuyên giám sát hiện tượng trượt lở bờ moong khai thác đặc biệt là vào mùa mưa; bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra bờ moong khai thác, thực hiện bơm thoát nước kịp thời.

- Thường xuyên giám sát các công trình bảo vệ môi trường như: bờ bao, hàng rào kẽm gai, cây trồng, biển báo nguy hiểm, ... để kịp thời duy tu, sửa chữa theo đúng quy định.

- Vị trí giám sát: Toàn khu mỏ

2.5. Phương án cải tạo phục hồi môi trường của dự án

2.5.1. Căn cứ vào điều kiện thực tế của mỏ sau khi kết thúc khai thác

a. Đặc điểm mỏ sau khi kết thúc khai thác

Theo thiết kế cơ sở, sau khi kết thúc dự án, khu vực dự án có đặc điểm sau:

- Khai trường khi kết thúc khai thác có dạng địa hình âm, không có khả năng thoát nước tự chảy. Cụ thể như sau:

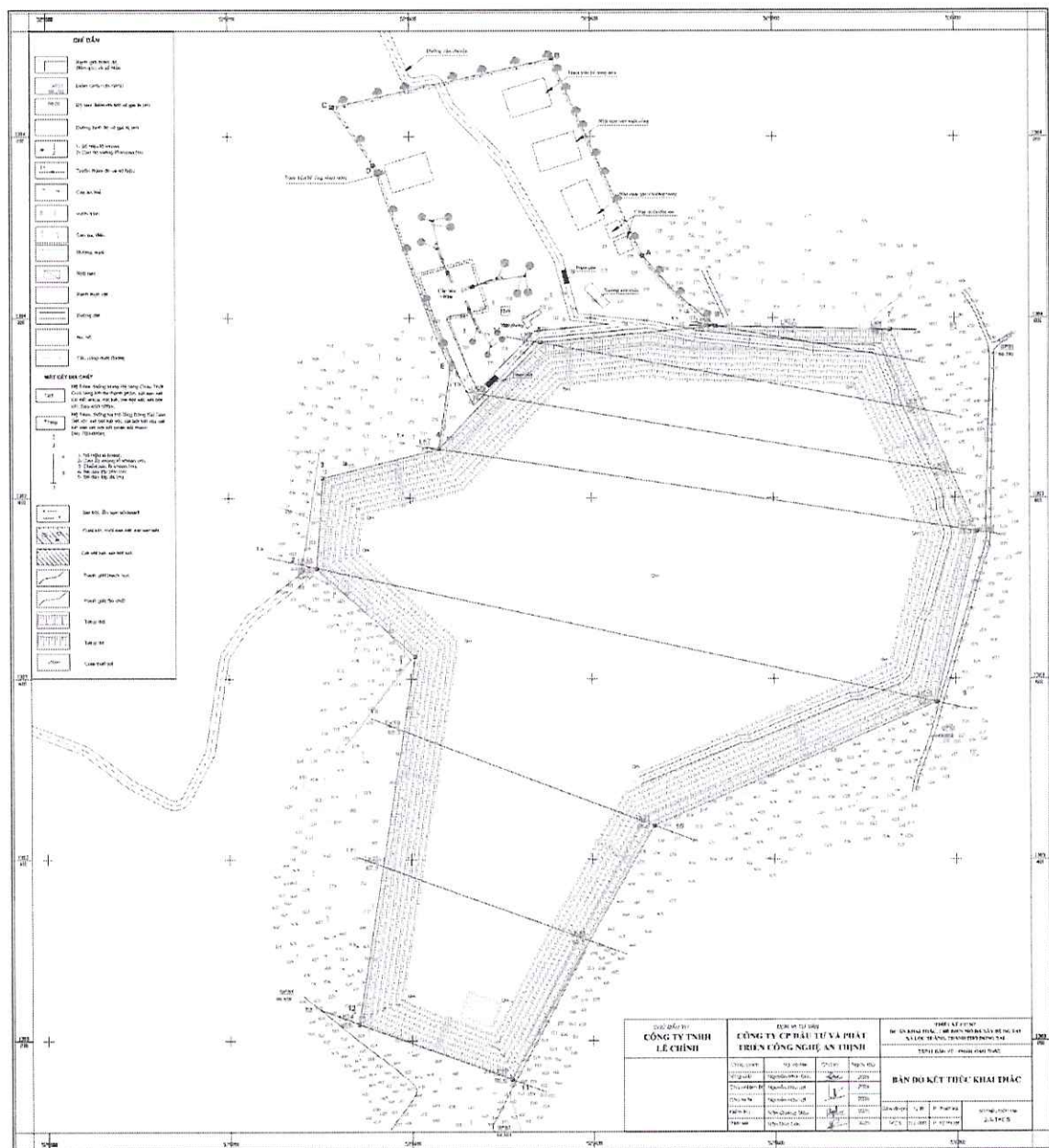
- + Đáy moong kết thúc tại cao độ 0m; xung quanh địa hình có độ cao thay đổi từ +64,5m đến 72,4m. Do vậy đáy moong sâu hơn so với địa hình xung quanh từ 64,5m (phía Nam) đến 72,4m (phía Bắc).

- + Các tầng đá khi kết thúc có chiều cao mỗi tầng trung bình 20m, góc dốc an toàn 75°.

- Một phần đất bóc của mỏ được sử dụng để đắp đê bao ngăn nước mặt xung quanh khu vực khai trường. Khối lượng đất bóc còn lại sẽ được Công ty cung cấp cho các công

trình có nhu cầu san lấp trên địa bàn xã Lộc Thành và các khu vực lân cận. Do đó tại mỏ không có bãi thải.

- Theo tài liệu Báo cáo kết quả thăm dò đã được UBND thành phố Đồng Nai phê duyệt, lượng nước dưới đất chảy vào mỏ không đáng kể. Nước chảy vào mỏ chủ yếu được cung cấp bởi nước mưa rơi trực tiếp với lưu lượng ngày lớn nhất khoảng 39.858 m³/ngày đêm có tính cục bộ và theo mùa. Ngoài ra, mỏ sau khi kết thúc khai thác sẽ ngừng hoạt động 02 trạm bơm tháo khô cưỡng bức, diện tích khai trường nằm dưới mực nước thông thủy của khu vực sẽ tích tụ nước mưa và nước ngầm, dần hình thành hồ chứa nước sâu tới cote +0 m.



- Khoáng sản khai thác là đá xây dựng thông thường, không có nguy cơ tạo dòng thải axit mỏ.

b. Hiện trạng sân công nghiệp sau khi kết thúc khai thác

Khu vực sân công nghiệp có diện tích 9 ha nằm hoàn toàn bên ngoài ranh giới khai trường 36,5 ha. Khi đóng cửa mỏ, Công ty sẽ tiến hành tháo dỡ toàn bộ các hạng mục công trình phụ trợ để phục vụ công tác san gạt và trồng cây xanh phục hồi môi trường.

2.5.2. Đề xuất và lựa chọn phương án CTPHMT

a. Đối với khu vực Sân công nghiệp và phụ trợ (9 ha):

Khu vực này nằm hoàn toàn ngoài ranh giới khai thác, địa hình tương đối bằng phẳng. Phương án khả thi và tối ưu nhất:

+ Tháo dỡ toàn bộ công trình dân dụng (nhà điều hành, khu vệ sinh).

Tháo dỡ thiết bị công nghiệp (3 tổ hợp trạm nghiền, trạm cân, xưởng cơ khí, trạm biến áp)

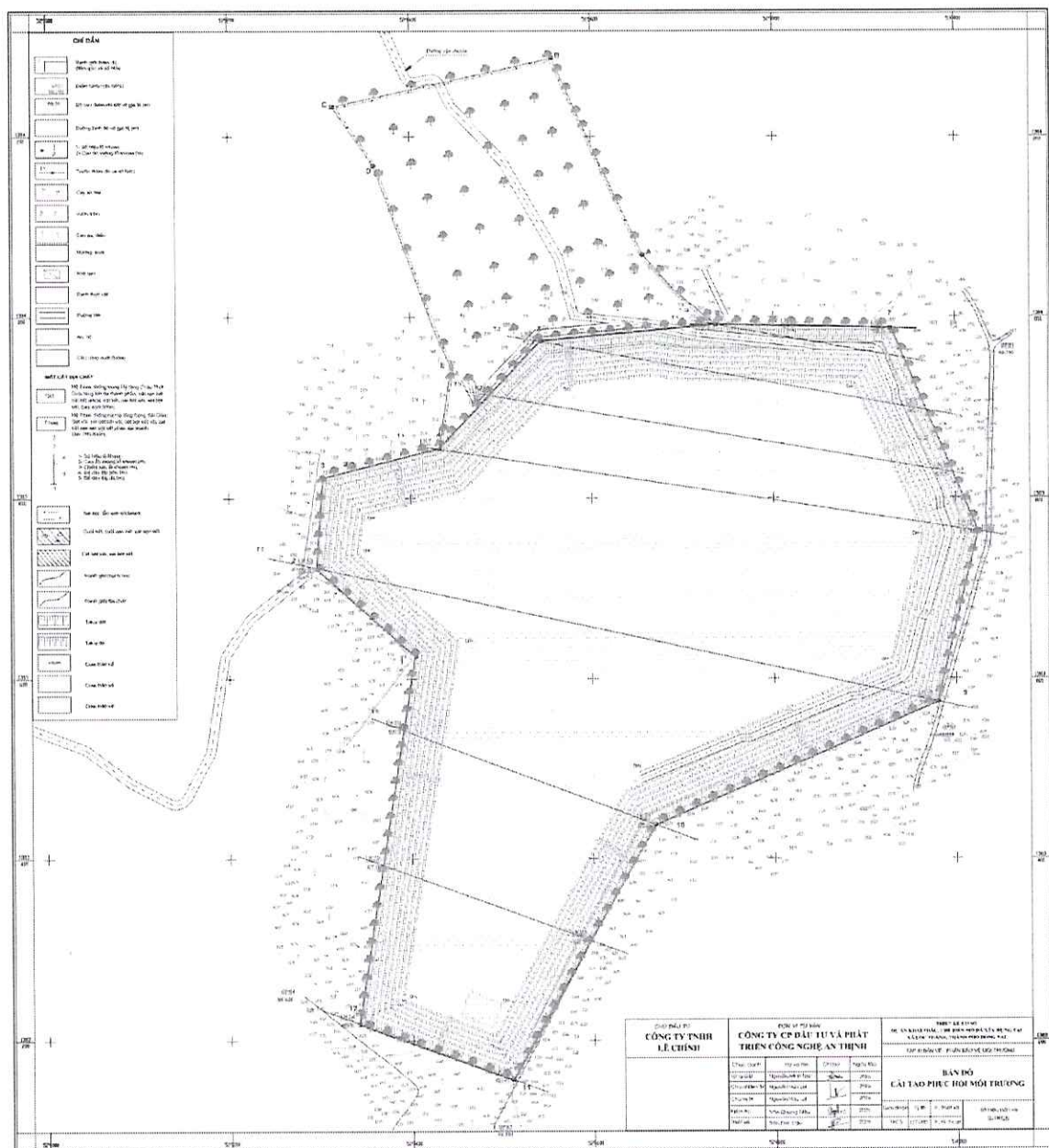
+ Sau đó tiến hành cày xới, san gạt lại mặt bằng và trồng cây xanh để phục hồi toàn bộ diện tích 9 ha.

b. Đối với khu vực Moong khai thác (36,5 ha) : Cải tạo moong khai thác thành hồ chứa nước

Nội dung: Tiến hành củng cố, vạt lại bờ moong đạt góc dốc sườn tầng kết thúc an toàn với đá gốc 75° và đất phủ 45° . Trồng cây xanh, lắp đặt hàng rào và biển cảnh báo nguy hiểm xung quanh. Để moong tự tích tụ nước mưa tạo thành hồ chứa nước.

Ưu điểm: Chi phí thực hiện hợp lý, có tính khả thi kỹ thuật cao đối với mỏ khai thác sâu. Hồ chứa nước sau khi hình thành sẽ góp phần điều hòa vi khí hậu, tạo cảnh quan sinh thái, bổ cập nước ngầm và có thể tận dụng làm nguồn nước tưới tiêu cho nông nghiệp địa phương vào mùa khô.

Kết luận lựa chọn phương án: Cải tạo thành hồ chứa nước là phương án tối ưu, vừa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, an toàn môi trường.



b) Kết hoạch thực hiện

Theo kế hoạch khai thác của mỏ, đồng thời căn cứ khối lượng công việc thực hiện, kế hoạch thực hiện cải tạo phục hồi môi trường của mỏ như sau:

Giai đoạn 1: thực hiện đồng thời trong quá trình khai thác.

Giai đoạn 2: thực hiện sau khi kết thúc hoạt động dự án và đề án đóng cửa mỏ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bao gồm toàn bộ các hạng mục cải tạo, phục hồi còn lại theo giải pháp lựa chọn được phê duyệt trong thời gian dự kiến 02 năm.

c) Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng số tiền ký quỹ theo dự án (chưa bao gồm yếu tố trượt giá): 5.950.775.336 đồng.

- Phương thức ký quỹ:

+ Số lần ký quỹ: 23 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 892.616.300 đồng.

+ Số tiền ký quỹ những lần sau (từ năm 2 – năm 23): 229.916.320 đồng.

+ Số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá về số tiền ký quỹ.

+ Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường thành phố Đồng Nai.

- Thời điểm ký quỹ:

+ Thời điểm ký quỹ lần đầu của dự án là không quá 30 ngày kể từ ngày được phép khai thác (theo điểm a, khoản 6 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

+ Việc ký quỹ lần thứ 2 trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ (Theo khoản 16 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

3. Cam kết của Chủ dự án

Chủ dự án cam kết:

3.1. Công ty cam kết chỉ triển khai Dự án trong ranh giới dự án đã được khoanh định và được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.2. Cam kết tuân thủ khai thác theo đúng nội dung của Giấy phép khai thác được cấp; tuân thủ nghiêm các nội dung theo thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và công tác bảo vệ môi trường trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; cam kết chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án.

3.3. Chủ dự án cam kết đầu tư xây dựng Dự án với đầy đủ chuyên công nghệ và thiết bị đồng bộ đã nêu trong báo cáo ĐTM này. Để phòng chống và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội trong vùng và phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong các giai đoạn của dự án, ngoài các nội dung cam kết chính nêu trên, Chủ dự án cam kết thực hiện nghiêm túc các biện pháp đã nêu rõ trong Chương 3 của báo cáo ĐTM. Cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn hoạt động của dự án, cụ thể như sau:

- Cam kết tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường như đã nêu trong báo cáo để giảm thiểu tiêu cực đến đời sống dân cư quanh mỏ.

- Giảm thiểu chấn động rung, đá văng do nổ mìn: Sử dụng phương pháp nổ mìn vi sai với quy mô bãi nổ phù hợp để giảm thiểu sự cố trượt lở vách đá bờ moong và giảm thiểu chấn động đến công trình nhà cửa của dân cư trong khu vực. Tiến hành nổ mìn theo đúng hộ chiếu nổ mìn đã được người có thẩm quyền phê duyệt. Bắn mìn theo giờ quy định. Thông báo rộng rãi giờ nổ mìn cho nhân dân và chính quyền địa phương. Dùng búa đập thủy lực trong phá đá quá cỡ để giảm thiểu ảnh hưởng do nổ mìn.

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy định phòng cháy chữa cháy theo Luật Phòng cháy và chữa cháy. Xây dựng quy định PCCC để Cán bộ Công nhân viên áp dụng và học tập.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường định kỳ. Số liệu giám sát sẽ được cập nhật đầy đủ để báo cáo định kỳ cho cơ quan quản lý và lưu giữ tại văn phòng mỏ.

- Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa, ứng phó các rủi ro, sự cố môi trường. Công ty cam kết đền bù thiệt hại khi để xảy ra sự cố môi trường; cam kết thực hiện có trách nhiệm và đúng luật đối với ý kiến của cộng đồng dân cư; thông báo công khai, đối thoại với người dân khi cần thiết.

- Cam kết xử lý và không để phát sinh bụi trên đường vận chuyển, tránh làm ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt, đi lại của người dân; hỗ trợ kinh phí cho địa phương để thực hiện duy tu, sửa chữa đường do ảnh hưởng từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu của dự án.

- Cam kết thực hiện phương án quản lý, duy tu, cải tạo, sửa chữa tuyến đường vận chuyển trong giai đoạn hoạt động và sau khi kết thúc khai thác sẽ bàn giao lại cho địa phương quản lý.

- Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước quốc tế, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường và nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.



CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Trần Thanh Trúc Sơn